

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**
cho năm tài chính 2016
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2016	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2016	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016	11 -30
Phụ lục 01: Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2016

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:**Hội đồng quản trị:**

- Ông Nguyễn Lương Am	Chủ tịch HĐQT
- Ông Đinh Tấn Dương	Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Đặng Ngọc Căn	Thành viên HĐQT
- Ông Phan Thanh Lân	Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Văn Nho	Thành viên HĐQT
- Ông Phùng Văn Viễn	Thành viên HĐQT
- Ông Dương Minh Quang	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc:

- Ông Nguyễn Lương Am	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/06/2016)
- Ông Dương Minh Quang	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2016)
- Ông Nguyễn Xuân Cấn	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đinh Tấn Dương	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Huỳnh Khế	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phan Thanh Lân	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đình Liễn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/01/2016)
- Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/01/2016)
- Ông Phạm Văn Nho	Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258747, đăng ký lần đầu ngày 27/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 17/01/2017. Theo đó:

- Vốn điều lệ : 170.201.300.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm linh một triệu, ba trăm nghìn đồng).

Các Công ty con của Công ty	Trụ sở
1 Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 76,35%	Xã Tây Phú, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định
2 Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 59,81%	Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Đại tu xe, máy thi công;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ;

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao): Dịch vụ massage;
- Điều hành tua du lịch: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi, kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất gạch không nung;
- Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động của các điểm truy cập internet;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lao động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý rượu, bia, nước giải khát, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.

Công ty có trụ sở tại: Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 31.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;

- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2016;
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

TP Quy Nhơn, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47



Dương Minh Quang
Tổng Giám đốc



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: 68 /2017/BCKT/BCTC/CPAHANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016
của Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng 47, được lập ngày 06/02/2017, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 cho năm tài chính 2016, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Công ty Cổ phần Xây dựng 47 giữ 04 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPAHANOI)

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNDKHNKT số: 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên

Bùi Quang Hợp

Giấy CNDKHNKT số: 1796-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TAISAN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.313.777.467.304	1.471.011.541.070
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.635.917.276	27.132.146.649
1. Tiền	111		15.635.917.276	27.132.146.649
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		443.874.019.115	519.075.224.459
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.2a	302.286.134.784	362.291.217.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	88.728.897.606	124.756.429.060
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	58.448.986.725	37.617.578.399
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137	V.5	(5.590.000.000)	(5.590.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		845.086.268.020	924.766.003.135
1. Hàng tồn kho	141	V.6	845.086.268.020	924.766.003.135
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.181.262.893	38.166.827
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.7	6.061.570.026	-
2. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.8	3.119.692.867	38.166.827
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		821.417.730.669	701.255.578.794
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.963.998.007	232.001.040
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	232.001.040	232.001.040
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.731.996.967	-
II. Tài sản cố định	220		691.983.849.816	544.884.436.594
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	680.741.801.799	527.885.450.577
- Nguyên giá	222		1.277.018.932.647	1.046.130.705.370
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(596.277.130.848)	(518.245.254.793)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.242.048.017	16.998.986.017
- Nguyên giá	228		11.988.985.290	17.700.923.290
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(746.937.273)	(701.937.273)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.842.642.167	50.431.769.403
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	22.842.642.167	50.431.769.403
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		91.454.265.007	99.492.160.505
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	61.460.000.000	61.460.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	253	V.13	40.000.000.000	40.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT DH (*)	254	V.14	(10.005.734.993)	(1.967.839.495)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.172.975.672	6.215.211.252
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	13.172.975.672	4.530.783.049
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	1.684.428.203
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.135.195.197.973	2.172.267.119.864

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B01a-DN
Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.872.194.466.060	1.948.601.942.619
I. Nợ ngắn hạn	310		1.294.122.598.780	1.364.843.166.384
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	399.527.966.857	420.032.519.935
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17a	22.617.236.448	86.225.957.025
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.18	1.722.380	6.007.983.150
4. Phải trả người lao động	314		42.223.539.263	46.817.871.399
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	77.884.891.490	64.502.405.357
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	750.011.597.676	739.315.716.149
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.855.644.666	1.940.713.369
II. Nợ dài hạn	330		578.071.867.280	583.758.776.235
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.17b	284.000.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	294.071.867.280	583.758.776.235
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		263.000.731.913	223.665.177.245
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	263.000.731.913	223.665.177.245
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.201.300.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.201.300.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.680.208.094	30.190.801.117
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	10.449.146.977
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.711.223.819	41.275.229.151
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.408.000.000	21.750.000.000
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		17.408.000.000	21.750.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.135.195.197.973	2.172.267.119.864

TP Quy Nhơn, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho



Giám đốc
 Dương Minh Quang

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.477.897.194.582	1.505.809.027.666
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	30.556.998	56.804.372
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	1.477.866.637.584	1.505.752.223.294
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.321.008.662.647	1.330.298.382.300
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		156.857.974.937	175.453.840.994
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	7.205.926.654	7.375.935.153
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	118.830.186.457	106.623.625.267
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		100.774.088.224	98.579.034.791
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	37.005.974.853	45.153.478.107
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.227.740.281	31.052.672.773
11.	Thu nhập khác	31	VI.8	3.093.719.001	4.402.550.463
12.	Chi phí khác	32	VI.9	502.593.301	2.210.708.666
13.	Lợi nhuận khác	40		2.591.125.700	2.191.841.797
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.818.865.981	33.244.514.570
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	923.979.284	5.862.320.105
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.894.886.697	27.382.194.465
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	815	2.323
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

TP Quy Nhơn, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Tổng Giám đốc



Đương Minh Quang

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.823.534.288.627	1.229.895.762.868
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(1.369.262.270.176)	(469.697.712.497)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(276.996.928.090)	(302.044.899.647)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(100.690.515.475)	(99.364.755.274)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(6.698.837.543)	(2.322.260.732)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	132.994.781	123.528.363.733
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(68.747.276.388)	(168.869.626.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.271.455.736	311.124.871.761
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(129.982.989.313)	(485.698.931.021)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	6.190.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.523.246.792	5.182.260.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(117.269.742.521)	(476.116.670.937)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	30.241.560.000	30.723.151.117
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.hài	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.153.985.105.207	1.073.769.660.168
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.079.786.092.882)	(1.001.410.663.166)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(21.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	104.440.572.325	81.482.148.119
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(11.557.714.460)	(83.509.651.057)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.132.146.649	110.634.349.465
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	61.485.087	7.448.241
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.635.917.276	27.132.146.649

TP Quy Nhơn, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho



Tổng Giám đốc

Đương Minh Quang

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258747, đăng ký lần đầu ngày 27/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 17/01/2017.

Theo đó:

Vốn điều lệ : 170.201.300.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm linh một triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Công ty có trụ sở tại: Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Đại tu xe, máy thi công;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao): Dịch vụ massage;
- Điều hành tua du lịch: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi, kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất gạch không nung;
- Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động của các điểm truy cập internet;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lao động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Đại lý, môi giới, đầu giá: Đại lý rượu, bia, nước giải khát, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Ngắn hạn**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

- 1.1 Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 1.2 Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- 2.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.
- 2.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**3.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.

3.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

4.2 Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

5.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

5.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

6.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
 - Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.
- 6.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước).
- 6.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.
- 6.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

7.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

7.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Phần mềm vi tính	03 - 08 năm

8. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

11.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong năm của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu bán vật tư, dịch vụ khách sạn nhà hàng và doanh thu hoạt động tài chính.

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể:

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).
- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ, tỷ lệ doanh thu ghi nhận trong kỳ với sản lượng dở dang đầu kỳ cộng sản lượng thực hiện trong kỳ.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.028.863.625	14.859.736.440
Tiền gửi Ngân hàng	7.607.053.651	12.272.410.209
Cộng	15.635.917.276	27.132.146.649
2. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	302.286.134.784	362.291.217.000
<i>Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng</i>	<i>184.356.238.462</i>	<i>177.871.453.547</i>
Công trình Đồng Nai 4	-	40.179.414.080
Công trình Trung Sơn	111.180.847.416	137.692.039.467
Công trình Sêrêpôk 4A	39.959.253.370	-
Công trình Sông Bung 5	33.216.137.676	-
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>117.929.896.322</i>	<i>184.419.763.453</i>
b. Dài hạn	232.001.040	232.001.040
<i>Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng</i>	<i>194.230.000</i>	<i>194.230.000</i>
Công trình Đồng Cam (kênh)	80.000.000	80.000.000
Công trình Suối Bèo	63.230.000	63.230.000
Công ty Xây dựng & Phát triển Hạ tầng	51.000.000	51.000.000
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>37.771.040</i>	<i>37.771.040</i>
Cộng	302.518.135.824	362.523.218.040
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi tiết các khoản trả trước cho khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng</i>	<i>35.988.045.215</i>	<i>79.615.338.190</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-DN
Thuyết minh BCTC
cho năm tài chính 2016

	Công ty Robbins USA	-	36.846.338.190
	Robbins China	35.988.045.215	42.769.000.000
	<i>Trả trước cho khách hàng khác</i>	<i>52.740.852.391</i>	<i>45.141.090.870</i>
	Cộng	88.728.897.606	124.756.429.060
4.	Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a.</i>	<i>Ngắn hạn</i>	<i>58.448.986.725</i>	<i>37.617.578.399</i>
	Phải thu tạm ứng	27.682.359.117	9.403.875.880
	Các khoản phải thu khác	30.766.627.608	28.213.702.519
	<i>Lương ốm</i>	<i>968.653.388</i>	<i>380.701.288</i>
	<i>Công ty Cổ phần LiLaMa 45.1</i>	<i>586.277.147</i>	<i>586.277.147</i>
	<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong</i>	<i>4.148.000.000</i>	<i>2.205.000.000</i>
	<i>Đền bù GPMB Phước An</i>	<i>-</i>	<i>4.814.886.950</i>
	<i>Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ</i>	<i>16.414.879.000</i>	<i>16.414.879.000</i>
	<i>Cổ tức nhận được do đầu tư</i>	<i>2.714.569.555</i>	<i>2.178.000.000</i>
	<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>5.934.248.518</i>	<i>1.633.958.134</i>
<i>b</i>	<i>Dài hạn</i>	<i>1.731.996.967</i>	<i>-</i>
	Ký cược ký quỹ dài hạn	1.731.996.967	-
	Cộng	60.180.983.692	37.617.578.399
5.	Dự phòng phải thu khó đòi	Số cuối năm	Số đầu năm
	Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	5.590.000.000	5.590.000.000
	Cộng	5.590.000.000	5.590.000.000
6.	Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên liệu, vật liệu	57.322.141.906	73.965.167.321
	Công cụ, dụng cụ	219.186.307	265.987.090
	Chi phí SX, KD dở dang	786.793.953.354	849.975.264.283
	Hàng hoá	750.986.453	559.584.441
	Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	845.086.268.020	924.766.003.135
7.	Thuế GTGT được khấu trừ	Số cuối năm	Số đầu năm
	Thuế GTGT được khấu trừ	6.061.570.026	-
	Cộng	6.061.570.026	-
8.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
	Thuế TNDN	3.082.526.040	-
	Các loại thuế khác	37.166.827	38.166.827
	Cộng	3.119.692.867	38.166.827

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	146.141.597.955	671.448.644.194	215.449.711.460	13.090.751.761	1.046.130.705.370
- Mua trong năm	-	201.891.850.726	-	576.270.909	202.468.121.635
- XDCB hoàn thành	35.875.973.616	-	-	-	35.875.973.616
- Tăng khác	-	-	28.000.000	-	28.000.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	1.178.912.000	1.385.804.050	4.919.151.924	-	7.483.867.974
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	180.838.659.571	871.954.690.870	210.558.559.536	13.667.022.670	1.277.018.932.647
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	16.156.200.512	355.462.340.093	137.058.547.553	9.568.166.635	518.245.254.793
- Khấu hao trong năm	3.766.549.934	60.740.290.780	18.148.812.530	921.462.555	83.577.115.799
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	176.836.800	449.251.020	4.919.151.924	-	5.545.239.744
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	19.745.913.646	415.753.379.853	150.288.208.159	10.489.629.190	596.277.130.848
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	129.985.397.443	315.986.304.101	78.391.163.907	3.522.585.126	527.885.450.577
- Tại ngày cuối năm	161.092.745.925	456.201.311.017	60.270.351.377	3.177.393.480	680.741.801.799

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy	Tổng cộng
Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	16.953.986.017	746.937.273	17.700.923.290
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	5.711.938.000	-	5.711.938.000
<i>Số dư cuối năm</i>	11.242.048.017	746.937.273	11.988.985.290
Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	701.937.273	701.937.273
- Khấu hao trong năm	-	45.000.000	45.000.000
<i>Số dư cuối năm</i>	-	746.937.273	746.937.273
Giá trị còn lại			
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	16.953.986.017	45.000.000	16.998.986.017
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	11.242.048.017	-	11.242.048.017

11. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm 10% trên tổng giá trị xây dựng cơ bản)</i>	22.680.088.110	46.004.933.047
Kho xưởng Phước An	2.014.066.711	31.295.820.896
Nhà máy gạch Phước Thành	8.780.661.003	5.474.669.480
Dự án 105 Tây Sơn	8.863.080.178	6.763.564.085
Dự án Khu sinh thái Hồ Định Bình	3.022.280.218	2.470.878.586
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	162.554.057	4.426.836.356
Cộng	22.842.642.167	50.431.769.403

12. Đầu tư vào công ty con

	Số lượng Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong	5.382.500	53.825.000.000	53.825.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ	763.500	7.635.000.000	7.635.000.000
Cộng		61.460.000.000	61.460.000.000

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số lượng Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>		40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (*)	2.680.000	26.800.000.000	26.800.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình (**)	1.320.000	13.200.000.000	13.200.000.000
Cộng		40.000.000.000	40.000.000.000

(*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn với số tiền: 26.800.000.000 đồng (2.680.000 CP) chiếm 8% vốn điều lệ.

(**): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình với số tiền: 13.200.000.000 đồng (1.320.000 CP) chiếm 9,28% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-DN
 Thuyết minh BCTC
 cho năm tài chính 2016

14. Dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn

Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong

Cộng**15. Chi phí trả trước dài hạn**

Kho mìn công trường Tân Mỹ
 GPMB xưởng sửa chữa xe máy Phước An
 GPMB Nhà máy gạch Phước Thành
 Hầm TBM thượng KonTum
 Cửa nhận nước hầm TBM KonTum
 Khách sạn Hải Âu

Cộng**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số phải trả

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
 Công ty TNHH TMDV Tân Trường Phúc
 Công ty TNHH MXD Vi Trác
Phải trả cho các đối tượng khác

Cộng**17. Người mua trả tiền trước****a. Ngắn hạn**

Chi tiết đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước

Công trình Thượng Kon Tum
 Công trình Cửa Nhận Nước
 Công trình Đường Hầm TBM
Phải trả cho các đối tượng khác

b. Dài hạn

Chi tiết đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước

Công trình Cửa Nhận Nước
 Công trình Đa Nhim
 Công trình Đường Hầm TBM
Phải trả cho các đối tượng khác

Cộng**18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Thuế Giá trị gia tăng phải nộp
 Thuế Tiêu thụ đặc biệt
 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Cộng**19. Phải trả ngắn hạn khác**

Kinh phí công đoàn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	10.005.734.993	1.967.839.495
	10.005.734.993	1.967.839.495
	Số cuối năm	Số đầu năm
	28.333.335	56.666.667
	5.542.678.100	-
	1.431.531.000	1.431.531.000
	5.537.083.802	1.256.758.667
	633.349.435	1.266.698.871
	-	519.127.844
	13.172.975.672	4.530.783.049
	Số cuối năm	Số đầu năm
	141.391.323.255	42.150.894.400
	-	42.150.894.400
	51.661.589.656	-
	89.729.733.599	-
	258.136.643.602	377.881.625.535
	399.527.966.857	420.032.519.935
	Số cuối năm	Số đầu năm
	22.617.236.448	86.225.957.025
	19.139.576.738	77.497.832.545
	-	13.790.011.543
	-	20.938.821.002
	19.139.576.738	42.769.000.000
	3.477.659.710	8.728.124.480
	284.000.000.000	-
	284.000.000.000	-
	37.000.000.000	-
	117.000.000.000	-
	130.000.000.000	-
	-	-
	306.617.236.448	86.225.957.025
	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	3.313.087.294
	1.722.380	2.563.637
	-	2.692.332.219
	1.722.380	6.007.983.150
	Số cuối năm	Số đầu năm
	4.293.177.727	3.971.326.727

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316**Mẫu số B09a-DN**
Thuyết minh BCTC
cho năm tài chính 2016**BHXH, BHYT, BHTN****Phải trả về cổ phần hóa****Các khoản phải trả, phải nộp khác**

Thuế TNCN tạm thu

Thu tiền XKLD

CLB hưu trí

Ủng hộ đồng bào bão lụt

Liên danh Samsung-CC47

Các khoản phải trả, phải nộp khác

Cộng

8.250.833.769

130.705.324

65.210.174.670

3.543.621.007

1.259.679.900

398.023.807

171.996.000

8.000.000.000

51.836.853.956

77.884.891.490

2.066.327.465

130.705.324

58.334.045.841

2.193.147.487

403.771.600

356.309.815

314.496.000

-

55.066.320.939

64.502.405.357*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

20. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		750.011.597.676	1.090.481.974.409	1.079.786.092.882	739.315.716.149	739.315.716.149
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	749.391.064.641	749.391.064.641	1.090.430.507.652	1.042.903.754.692	701.864.311.681	701.864.311.681
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	6.846.338.190	6.846.338.190	6.846.338.190
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay đối tượng khác	620.533.035	620.533.035	51.466.757	36.000.000	605.066.278	605.066.278
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	294.071.867.280	294.071.867.280	56.539.507.705	346.226.416.660	583.758.776.235	583.758.776.235
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	294.071.867.280	294.071.867.280	56.539.507.705	96.226.416.660	333.758.776.235	333.758.776.235
Nợ dài hạn	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	1.044.083.464.956	1.044.083.464.956	1.147.021.482.114	1.426.012.509.542	1.323.074.492.384	1.323.074.492.384

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/300495/HĐTĐ - HM ngày 01/07/2016 với hạn mức cho vay ngắn hạn: 750.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C (nếu có), thời hạn cấp hạn mức từ ngày 01/07/2016 đến hết ngày 30/06/2017. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/300495/HĐTĐ - DA ngày 28/03/2016 với số tiền vay: 220.782.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị thi công công trình mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim, thời hạn vay 42 tháng, lãi suất 11%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Máy, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

**21. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu
A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	96.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	37.195.032.674	21.600.000.000	188.711.829.651
- Tăng vốn trong năm trước	24.000.000.000	6.723.151.117	-	-	-	30.723.151.117
- Lãi trong năm trước	-	-	-	4.080.196.477	-	27.382.194.465
- Tăng khác	-	-	-	-	-	4.080.196.477
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(27.232.194.465)	(27.232.194.465)
2. Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	30.190.801.117	10.449.146.977	41.275.229.151	21.750.000.000	223.665.177.245
3. Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	30.190.801.117	10.449.146.977	41.275.229.151	21.750.000.000	223.665.177.245
- Tăng vốn trong năm nay	50.201.300.000	-	-	-	-	50.201.300.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	9.894.886.697	9.894.886.697
- Tăng khác	-	4.040.260.000	-	1.435.994.668	-	5.476.254.668
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(1.550.853.023)	(10.449.146.977)	-	(14.236.886.697)	(26.236.886.697)
4. Số dư cuối năm nay	170.201.300.000	32.680.208.094	-	42.711.223.819	17.408.000.000	263.000.731.913

B.	Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ đông khác	100.00%	170.201.300.000	120.000.000.000
	Cộng		170.201.300.000	120.000.000.000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	96.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	50.201.300.000	24.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	170.201.300.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	21.600.000.000

D.	Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
-	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.020.130	12.000.000
-	Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.020.130	12.000.000
+	Cổ phiếu phổ thông	17.020.130	12.000.000
+	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
-	Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+	Cổ phiếu phổ thông	-	-
+	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
-	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.020.130	12.000.000
+	Cổ phiếu phổ thông	17.020.130	12.000.000
+	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	

E.	Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
	Quỹ đầu tư phát triển	42.711.223.819	41.275.229.151

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)

1.	Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	Doanh thu bán hàng	9.966.223.001	25.169.054.699
	Dịch vụ cung cấp dịch vụ	106.016.374.614	93.930.545.687
	Doanh thu thi công xây lắp chính	1.337.371.573.098	1.356.908.531.718
	Doanh thu nhượng bán vật tư	19.604.603.592	23.349.727.654
	Doanh thu cho thuê tài sản	24.545.455	32.727.273
	Doanh thu dịch vụ thí nghiệm	118.530.000	108.774.619
	Doanh thu khác	4.795.344.822	6.309.666.016
	Cộng	1.477.897.194.582	1.505.809.027.666
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	30.556.998	56.804.372
	Cộng	30.556.998	56.804.372
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.477.866.637.584	1.505.752.223.294

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mỹ, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh BCTC

cho năm tài chính 2016

	Năm nay	Năm trước
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn bán hàng	10.890.319.253	10.338.261.786
Giá vốn dịch vụ	58.779.929.117	79.206.734.162
Giá vốn xây lắp	1.232.804.724.469	1.221.556.359.687
Giá vốn nhượng bán vật tư	18.533.689.808	19.197.026.665
Cộng	1.321.008.662.647	1.330.298.382.300
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	570.446.792	770.881.912
Cổ tức lợi nhuận được chia	6.198.969.555	6.597.605.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	436.510.307	7.448.241
Cộng	7.205.926.654	7.375.935.153
6. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	100.774.088.224	98.579.034.791
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	8.037.895.498	1.967.839.495
Chi phí tài chính khác	10.018.202.735	6.076.750.981
Cộng	118.830.186.457	106.623.625.267
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	12.311.618.000	11.711.990.751
Chi phí vật liệu quản lý	3.539.617.451	4.840.442.699
Chi phí đồ dùng văn phòng	92.915.455	113.319.087
Chi phí khấu hao TSCĐ	203.252.000	202.000.000
Thuế, phí và lệ phí	8.188.769	180.808.664
Chi phí bằng tiền khác	20.850.383.178	28.104.916.906
Cộng	37.005.974.853	45.153.478.107
8. Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	10.519.267.091	-
Thu nhập khác	225.018.140	4.402.550.463
Cộng	10.744.285.231	4.402.550.463
9. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	7.650.566.230	-
Chi phí phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính	153.852.116	-
Phạt vi phạm hợp đồng	200.000.000	-
Chi phí khác	148.741.185	2.210.708.666
Cộng	8.153.159.531	2.210.708.666
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.818.865.981	33.244.514.570

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

2. Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế (2 = a + b)	(6.198.969.555)	(6.597.605.000)
a. Điều chỉnh tăng	-	-
b. Điều chỉnh giảm	(6.198.969.555)	(6.597.605.000)
3. Tổng lợi nhuận chịu thuế (3 = 1 + 2)	4.619.896.426	26.646.909.570
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (4 = 3*20%)	923.979.284	5.862.320.105
5. Số điều chỉnh giảm thuế TNDN	-	-
6. Thuế TNDN phải nộp (6 = 4 + 5)	923.979.284	5.862.320.105
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	9.894.886.697	27.382.194.465
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.894.886.697	27.382.194.465
Cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu kỳ	12.000.000	9.600.000
Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	5.020.130	2.400.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	12.123.784	11.787.428
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	815	2.323
12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	409.954.460.469	580.701.579.105
Chi phí nhân công	282.635.556.789	257.459.565.619
Chi phí máy thi công	127.860.249.442	133.715.927.524
Chi phí sản xuất chung	470.851.820.508	392.389.727.863
Cộng	1.291.302.087.208	1.364.266.800.111

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

1.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn cổ phần.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	15.635.917.276	15.635.917.276
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	449.464.019.115	443.874.019.115

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Số dư ngày 31/12/2016

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn dài hạn 1.044.083.464.956
Phải trả người bán 399.527.966.857

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	399.527.966.857	-	399.527.966.857
Vay và nợ ngắn hạn	750.011.597.676	-	750.011.597.676
Vay và nợ dài hạn	-	294.071.867.280	294.071.867.280

1.4 Tài sản đảm bảo

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định có tài sản đảm bảo căn cứ trên các biên bản định giá lại giá trị tài sản đảm bảo theo từng hợp đồng thế chấp tài sản.
- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định có tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ thi công công trình mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim.

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Khoản mục	Năm nay
* Tiền thu từ bán hàng: (MS 01)	1.823.534.288.627
Thu nợ cũ	9.470.739.297
Thu tiền bán hàng trong năm	1.814.063.549.330
* Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ (MS 02)	(1.369.262.270.176)
Trả cho người cung cấp hàng hóa	(1.290.799.797.562)
Trả cho người cung cấp dịch vụ	(78.462.472.614)
* Tiền chi trả lãi vay: (MS 04)	(100.690.515.475)
Tổng lãi phát sinh phải trả trong năm nay	100.774.088.224
Số đã trả cho năm nay và những năm trước	(100.690.515.475)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

*	Tiền thu từ đi vay	1.153.985.105.207
	Vay nhận được bằng tiền mặt	1.000.000
	Vay trả thẳng cho nhà cung cấp	851.877.477.005
	Vay trả lương	26.671.493.850
	Vay trả BHXH	20.387.366.479
	Vay hộ các Chi nhánh	255.047.767.873
*	Tiền chi trả nợ gốc vay (MS 34)	(1.079.786.092.882)
	Trả nợ vay bằng tiền gửi ngân hàng	(1.079.750.092.882)
	Tặng trả nợ vay bằng tiền mặt	(36.000.000)
4. Thông tin giao dịch với các bên liên quan		
4.1	Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Năm nay
	Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và lương Ban Giám đốc thực nhận	3.592.662.850
	Trong đó:	
	Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	1.510.405.000
	Lương Ban Giám đốc	2.082.257.850
4.2	Số dư và giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ
	Bên liên quan	Số cuối năm
	Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ	Công ty con
	Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong	Công ty con
	Các khoản phải thu	5.633.834.205
	Phải thu khách hàng ngắn hạn (Tài khoản 131)	1.239.664.650
	Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ	127.366.650
	Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong	1.112.298.000
	Phải thu ngắn hạn khác (Tài khoản 138)	4.394.169.555
	Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ	246.169.555
	Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong	4.148.000.000
	Doanh thu bán hàng	2.315.757.274
	Bán hàng (TK 511)	2.315.757.274
	Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ	2.315.757.274
	Giá thành toàn bộ của công trình xây lắp	2.123.162.180
	Giá vốn (TK 632)	2.123.162.180
	Chi phí quản lý (TK 642)	56.142.125

5. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận Báo cáo chính vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo tính chất của các quy trình sản xuất sản phẩm và dịch vụ.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm được thuyết minh tại **Phụ lục 01: Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.**

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

7. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

8. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	38,47%	32,28%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	61,53%	67,72%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	87,68%	89,70%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	12,32%	10,30%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,14	1,11
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,02	1,08
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,36	0,40
3. Tỷ suất sinh lời	Năm nay	Năm trước
3.1. Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	0,73%	2,21%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	0,67%	1,82%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	0,51%	1,53%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0,46%	1,26%

Người lập biểu



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

TP Quy Nhơn, ngày 06 tháng 02 năm 2017



Tổng Giám đốc



Dương Minh Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Phụ lục 01: Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Xây lắp	Khai thác đá	Dịch vụ	Vật tư	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.337.371.573.098	9.966.223.001	105.985.817.616	19.604.603.592	4.938.420.277	1.477.866.637.584
Giá vốn	1.232.804.724.469	10.890.319.253	58.779.929.117	18.533.689.808	-	1.321.008.662.647
Lợi nhuận gộp	104.566.848.629	(924.096.252)	47.205.888.499	1.070.913.784	4.938.420.277	156.857.974.937